

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XÂY DỰNG ĐỊA ỐC HOÀNG GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XÂY DỰNG ĐỊA ỐC HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG GIA REAL ESTATE CONSTRUCTION BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110497627

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 31, Ngõ 7 Đường Tiền Phong, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0865226666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn;<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động;<br>+ Dây dẫn chống sét;<br>+ Hệ thống hút bụi;<br>+ Hệ thống âm thanh;<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390        |
| 5.  | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa;</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa.</li> </ul> <p>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 6.  | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;</li> <li>- Bán buôn đồng hồ, kính mắt;</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4649        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4669        |
| 9.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;</li> <li>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 10. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9524        |
| 11. | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6810(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản;</li> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;</li> <li>- Dịch vụ quản lý bất động sản;</li> <li>- Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;</li> <li>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6820 |
| 13. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát xây dựng;</li> <li>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng;</li> <li>- Kiểm định xây dựng;</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;</li> <li>- Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dịch vụ kiến trúc;</li> <li>+ Thiết kế máy móc và thiết bị.</li> </ul> </li> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ;</li> <li>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác như việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...</li> </ul> | 7110 |
| 14. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;</li> <li>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;</li> <li>- Hoạt động trang trí nội thất.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 15. | <p>Bán buôn tổng hợp<br/>(Trừ các loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 16. | <p>Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br/>(Trừ hoạt động đấu giá ngoài cửa hàng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4799 |
| 17. | <p>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn;<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.                                                                                                                                                                                               | 5510 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610 |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5630 |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu. | 7730 |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3320 |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101 |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4102 |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4211 |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4212 |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4221 |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4222 |
| 29. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4229 |
| 30. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời;<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                                                                                                                                                                                                     | 4299 |
| 31. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321 |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 35. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759 |

|     |                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí) | 4773 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 68.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 6.800.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HOÀNG VĂN<br>HÙNG | Thôn Tiên Phong,<br>Xã La Phù,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.664.0<br>00 | 66.640.000.000           | 98,000       | 0010830566<br>66                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 6.664.0<br>00 | 66.640.000.000           | 98,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | HOÀNG VĂN<br>HIỆP | Thôn Tiên Phong,<br>Xã La Phù,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 68.000        | 680.000.000              | 1,000        | 0013050133<br>35                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 68.000        | 680.000.000              | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                           |                           |        |             |       |              |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | NGUYỄN KIM CHI | Long Thành 1, Phường Phở Thanh, Thị xã Đức Phở, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 68.000 | 680.000.000 | 1,000 | 051302001071 |
|   |                |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                |                                                                           | Tổng số                   | 68.000 | 680.000.000 | 1,000 |              |
|   |                |                                                                           |                           |        |             |       |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN HƯNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083056666

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Tiên Phong, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tiên Phong, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội